TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Minh Tùng;

Ông Lục Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 147/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXX-ST ngày 08/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1978;

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1969;

Cùng trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau;

Cùng tạm trú: Nhà trọ N, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về việc kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông H thương yêu, tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống được một thời gian dài hạnh phúc đến năm 2014 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã ông H không có trách nhiệm với

gia đình vợ con. Thiết nghĩ mục đích hôn nhân không đạt được, tình nghĩa vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Bảo A, sinh năm 1992 và Huỳnh Huỳnh A, sinh năm 1996. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nay bà L làm đơn xin ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Bảo A, sinh năm 1992 và Huỳnh Huỳnh A, sinh năm 1996. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp và Tòa án thu thập được gồm có: 02 Giấy chứng minh nhân dân (01 bản sao có công chứng chứng thực, 01 bản phô tô); 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao có công chứng chứng thực); 01 Sổ tạm trú (bản sao có công chứng chứng thực); 01 Giấy xác nhận ngày 07/3/2018 (bản chính); 01 Biên lai dịch vụ chuyển phát nhanh (bản chính); 01 Bản tự khai (bản chính); 01 Giấy xác nhận ngày 10/5/2018 (bản gốc); 01 Công văn số 55/UBND-VP về việc xác minh tình trạng hôn nhân ngày 08/5/2018 (bản gốc); 01 Trích lục khai sinh số 484/2018/TLKS-BS ngày 18/4/2018 của cháu Huỳnh Bảo A (bản gốc); 01 Trích lục khai sinh số 484/2018/TLKS-BS ngày 18/4/2018 của cháu Huỳnh Huỳnh A (bản gốc); 01 Biên bản lấy lời khai của đương sự (bản chính); 01 Biên bản xác minh (bản chính).

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật:

1. Về tố tụng:

Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của Thẩm phán được thực hiện đúng theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Tại thời điểm giải quyết nguyên đơn, bị đơn cùng có nơi cư trú tại khu phố 4, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị L và ông Huỳnh Văn H thương yêu, tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến thời điểm hiện tại mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng ông H và bà L không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, cần tuyên bố không công nhận bà Huỳnh Thị L và ông Huỳnh Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Bảo A, sinh năm 1992 và Huỳnh Huỳnh A, sinh năm 1996. Con chung đã trưởng thành và đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L đối với bị đơn ông Huỳnh Văn H về việc tranh chấp ly hôn.

1. Không công nhận bà Huỳnh Thị L và ông Huỳnh Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành và đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0025161 quyển số AA/2016 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bến Cát.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Anh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bến Cát;
- Thi hành án dân sự huyện Bến Cát;
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà.

Nguyễn Thị Duyên